

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG NHỮNG NĂM TỚI ĐÂY: PHÂN TÍCH TỪ VIỆC TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW

● HOÀNG VĂN CƯỜNG - HOÀNG NAM ANH - NGUYỄN XUÂN TOẢN
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG - NGUYỄN CÔNG TÂM

TÓM TẮT:

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của BCHTW khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (sau đây gọi là Nghị quyết 27) đã xác định: “Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức (ĐNTT) lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới”. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai 15 năm qua đã bộc lộ những khoảng trống từ chính sách đến thực tiễn thực thi, dẫn đến việc ĐNTT chưa được phát huy và tận dụng triệt để tiềm lực. Bài viết này nhằm đề xuất các kiến nghị, giải pháp để xây dựng ĐNTT trong thời gian tới.

Từ khóa: đội ngũ trí thức, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chính sách.

1. Tổng quan một số quan điểm, chính sách nhằm góp phần thực hiện Nghị quyết 27

Song song với việc ban hành, tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, BCH TW Đảng đã ban hành một số Nghị quyết khác liên quan nhằm góp phần thực hiện Nghị quyết 27, như: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 về phát triển khoa học và công nghệ; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; Nghị

quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ,...

Ngoài ra, để xây dựng ĐNTT lớn mạnh hơn nữa, Bộ Chính trị (khóa X) đã ban hành Thông báo số 165-TB/TW ngày 27/6/2008 về Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”; Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ,... Thủ tướng Chính phủ

đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-TTg ngày 19/4/2000 phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 phê duyệt Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020,...

2. Đánh giá hiện trạng phát triển ĐNTT thời gian qua

Trong những năm qua, Nhà nước đã đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ, tôn vinh trí thức. Nhờ vậy, ĐNTT nước ta đã phát triển nhanh về số lượng và nâng cao về chất lượng, phát huy vai trò trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Theo Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, tính đến năm 2021 cả nước có 11.949 giáo sư, phó giáo sư (trong đó có 1.789 giáo sư, 10.160 phó giáo sư). Số lượng các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín (trong danh mục ISI và Scopus) trung bình mỗi năm tăng 18%, tập trung ở các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, y - dược học, hóa học - công nghệ thực phẩm, công nghệ thông tin, chăn nuôi - thú y - thủy sản,... ĐNTT đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu, sáng tạo ra những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao. Đặc biệt, số trí thức trẻ năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng nhiều.

Bên cạnh trí thức trong nước, hiện nay có khoảng trên 400.000 trí thức Việt kiều (chiếm trên 10% số người Việt Nam ở nước ngoài) có trình độ từ đại học trở lên, đang sinh sống và làm việc ở gần 100 quốc gia, tập trung chủ yếu ở các nước: Mỹ, Ca-na-đa, Nga, Ba Lan, Pháp, Đức, Nhật Bản,

Úc,... Hầu hết trí thức Việt kiều đều hướng về Tổ quốc, nhiều người đã về nước làm việc, đóng góp thiết thực vào sự phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, trước yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, ĐNTT còn tồn tại một số hạn chế, như cơ cấu ĐNTT thiếu cân đối về ngành nghề, độ tuổi, giới tính, vùng, miền,... Số lượng chuyên gia đầu ngành chưa nhiều; các tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế còn ít. Số công trình (nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) được công bố ở các tạp chí có uy tín trên thế giới, số sáng chế được đăng ký quốc tế còn khiêm tốn.

Theo thống kê cơ sở dữ liệu Web of Science trong giai đoạn 2011 - 2016, Việt Nam có 15.048 công bố thuộc danh mục Viện Thông tin khoa học (ISI). Đây là số lượng còn thấp so với các nước ASEAN, ví dụ như: Thái Lan có 42.552 công bố, Ma-lai-xi-a có 63.455 công bố; Xin-ga-po có 73.348 công bố. Chất lượng các công bố thông qua chỉ số trích dẫn của Việt Nam cũng thấp hơn so với các nước ASEAN, nhất là Xin-ga-po. Bên cạnh đó, theo thống kê của Viện Nghiên cứu sáng chế và Khai thác công nghệ trong giai đoạn 1982 - 2015, Việt Nam chỉ có 661 bằng sáng chế. Trong khi đó, Xin-ga-po cấp 1.651 bằng sáng chế chỉ trong 3 năm (2012 - 2015), Thái Lan cấp 4.899 bằng trong 6 năm (2005 - 2011), Ma-lai-xi-a cấp 381 bằng trong năm 2014. Trung bình mỗi năm các nước này cấp 381-816 bằng sáng chế trong khi Việt Nam chỉ có 20 bằng sáng chế.

Bên cạnh đó, trình độ ngoại ngữ, năng lực sáng tạo của ĐNTT còn hạn chế. Một bộ phận trí thức tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu chưa cao, có biểu hiện lệch lạc về quan điểm. Nhiều sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh được đào tạo ở nước ngoài sau khi tốt nghiệp không muốn về nước làm việc. Sinh viên các tỉnh tốt nghiệp tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh không muốn trở về phục vụ quê hương.

Những hạn chế nói trên của ĐNTT do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây: Chưa xây dựng được chiến lược phát triển ĐNTT theo tinh thần

NQ 27; hành lang pháp lý bảo đảm môi trường dân chủ và tự do học thuật chưa đồng bộ; công tác tuyển chọn, đánh giá, sử dụng ĐNTT có lúc, có nơi chưa hợp lý, thiếu chính sách và cơ chế để trí thức chuyên tâm cống hiến, phát triển và được xã hội tôn vinh bằng chính kết quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp; quy định tài chính trong một số lĩnh vực như khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, văn học, nghệ thuật,... còn bất cập, dẫn đến chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao; chưa có giải pháp đủ mạnh để thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giải quyết những vấn đề của đất nước.

3. Một số kiến nghị, đề xuất

3.1. Kiến nghị, đề xuất chung

Thứ nhất, đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng ĐNTT.

Tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn mới, giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045, quy hoạch phát triển nhân lực của các tỉnh, thành và bộ, ngành; xây dựng và ban hành chiến lược phát triển ĐNTT theo tinh thần Nghị quyết số 27.

Đẩy mạnh thể chế hóa và triển khai thực hiện Luật Giáo dục (năm 2019) và Luật Giáo dục đại học sửa đổi (năm 2018), Luật Giáo dục nghề nghiệp (năm 2014). Tăng cường phân cấp QLNN về giáo dục; thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các bộ, ban, ngành cần rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục, nghiên cứu gắn với quy hoạch phát triển KT - XH, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Tạo điều kiện để các trường đại học, viện nghiên cứu của nước ngoài mở cơ sở đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; rà soát, hiện thực hóa việc thực hiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; vị trí việc làm, định mức lao động, chế độ làm việc cho phù hợp với tình hình thực tế.

Các sở ngành giáo dục địa phương cần thực hiện tốt việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ, trí thức là những người đã có cống hiến trong

hoạt động thực tiễn, trí thức người dân tộc thiểu số và trí thức nữ. Sử dụng hiệu quả ĐNTT ở nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ đội ngũ chuyên gia đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ có ý nghĩa quốc gia.

Thứ hai, phát huy vai trò của trí thức.

Tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nhằm bảo đảm lợi ích của trí thức khi chuyển giao phát minh, sáng chế và khuyến khích ĐNTT gia tăng sự cống hiến. Có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

Xây dựng cơ chế hoạt động, tổ chức các diễn đàn để khuyến khích và bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển KT-XH.

Thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra; giảm bớt thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ. Nhà nước tăng cường đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ hiện đại, các khu công nghệ cao quốc gia, các trường đại học trọng điểm quốc gia theo mô hình tiên tiến của thế giới để thúc đẩy hoạt động sáng tạo của trí thức trong và ngoài nước.

Thứ ba, chú trọng sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức.

Cần rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách để ĐNTT phát triển bằng chính phẩm chất, tài năng, được hưởng đầy đủ lợi ích vật chất, tinh thần tương xứng với giá trị từ kết quả lao động sáng tạo của mình.

Thực hiện chủ trương phân cấp và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học trên cơ sở các tiêu chuẩn của Nhà nước; trong việc sử dụng nhân lực và tài chính theo nhu cầu của đơn vị.

Đổi mới, nâng cao chất lượng xét chọn và nâng mức thưởng đối với các danh hiệu cao quý và các giải thưởng nhà nước dành cho trí thức. Có chính sách đãi ngộ, trọng dụng, tôn vinh đối với trí thức đầu ngành, những người được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng của quốc gia, trí thức trẻ tài năng, bảo đảm “hiển tài là nguyên khí của quốc gia”.

Thứ tư, tăng cường thu hút ĐNTT người Việt Nam ở nước ngoài.

Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút, chế độ đãi ngộ đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao cho đất nước. Có cơ chế khuyến khích các cơ sở khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, thể dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật,... ở trong nước; mở rộng hợp tác, trao đổi chuyên gia, thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

Đẩy mạnh cơ chế “một cửa” trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với trí thức Việt kiều. Tạo điều kiện thuận lợi để trí thức Việt kiều mua nhà ở, sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

3.2. Một số kiến nghị, đề xuất cụ thể

Một là, thống nhất về khái niệm ĐNTT.

Thứ nhất, ĐNTT không phải là tập hợp đơn thuần các trí thức, mà là tập hợp có tổ chức với những hình thức phù hợp, các thành viên trong đội ngũ gắn kết với nhau trên cơ sở đặc điểm lao động, cùng hướng tới mục đích truyền bá nhận thức, không ngừng làm giàu trí thức nhân loại.

Thứ hai, đối với trình độ học vấn về lĩnh vực chuyên môn, nên giới hạn từ đại học trở lên theo kinh nghiệm của một số nước, phù hợp với thực tế nước ta hiện nay và xu hướng phát triển trong tương lai.

Thứ ba, phạm vi nên tập trung vào các nhóm trí thức trong các lĩnh vực: (1) nghiên cứu khoa học và công nghệ, trong các doanh nghiệp lĩnh vực kinh tế, giáo dục đào tạo và y tế; (2) lĩnh vực văn học nghệ thuật; (3) trong các cơ quan Đảng và cơ quan quản lý nhà nước; (4) trong lực lượng vũ

trang; (5) trí thức trong các hội; (6) trí thức trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; (7) trí thức lớn tuổi, nhất là số đã nghỉ hưu; (8) sinh viên ở trong nước và lưu học sinh ở nước ngoài.

Hai là, về mục tiêu chính sách.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu: đến năm 2030 và đặc biệt là “Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao”.

Để đạt được mục tiêu mà Đại hội XIII đề ra, yếu tố quyết định vẫn là xây dựng và phát huy được nguồn lực Việt Nam, mọi công dân được phát triển tự do, toàn diện, kết tinh được các giá trị văn hóa truyền thống, có đạo đức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại, được đào tạo, trang bị trí thức, kỹ năng sống, năng lực lao động sáng tạo, tư duy đổi mới, phát huy được tối đa trí tuệ, tài năng, khát vọng phát triển trong cuộc sống và lao động sáng tạo.

Với nhận thức như vậy, việc xác định mục tiêu phát triển ĐNTT cần đặt trong mô hình tổng thể về mục tiêu phát triển nguồn nhân lực Việt Nam.

Ba là, về quan điểm, nguyên tắc.

Nghị quyết 27 đã đưa ra 3 quan điểm, Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức đã đưa ra các nguyên tắc trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Từ thực tế xây dựng, phát triển ĐNTT cho thấy tính đúng đắn, tính thời đại của những quan điểm, nguyên tắc đã được Đảng và Nhà nước xác định. Vì vậy, cần quán triệt sâu sắc hơn nữa các quan điểm, nguyên tắc này trong phát triển ĐNTT theo mục tiêu đã được Đại hội XIII của Đảng xác định.

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII của Đảng, cần nghiên cứu bổ sung thêm một số quan điểm mới như: (1) Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng đưa đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc của ĐNTT; (2) Gắn kết giữa phát triển ĐNTT, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc trong các cơ quan nhà nước với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, với tinh giản

biên chế, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Bốn là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định pháp luật liên quan.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng “chảy máu chất xám”, “lãng phí chất xám”, dần trái, bình quân trong chính sách đối với ĐNTT.

Lý luận và thực tiễn cho thấy vai trò, ý nghĩa của trí thức là lãnh đạo, quản lý thể hiện trên các phương diện như: định hướng chiến lược, truyền cảm hứng và tập hợp sức mạnh, tối ưu các quyết định quản lý, điều hòa các mối quan hệ. Đại hội XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ "... ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt". Đây là điểm mới, điểm mấu chốt trong giai đoạn phát triển mới hiện nay, giai đoạn cần những người lãnh đạo, người đứng đầu có phẩm chất, năng lực quản trị tốt nhằm góp phần đưa đất nước phát triển. Theo đó, trong thời gian tới, cơ quan chức năng của Chính phủ cần nghiên cứu đề xuất xây dựng Đề án Phát triển nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực then chốt. Khẩn trương ban hành và triển khai thực hiện “Chiến lược Quốc gia về phát triển ĐNTT giai đoạn 2021-2030” và “Chiến lược Quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài”.

Năm là, xác định khâu đột phá trong chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng người có tài năng.

“Hiền tài là nguyên khí quốc gia”, “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Nhận thức rõ giá trị truyền thống coi trọng hiền tài và thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, ý nghĩa của nhân tài trong sự nghiệp phát triển đất nước, từ Nghị quyết Trung ương 3 Khóa VIII đến Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XII, Đảng ta đều đặt ra mục tiêu trong xây dựng chiến lược nhân tài quốc gia. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng đã xác định “có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài”. Từ đó cho thấy trong chính sách phát triển ĐNTT, chính sách đối với “Hiền tài” là khâu đột phá.

Chính sách nhân tài cần định hướng theo phương châm “Kết nối với nhân tài của ngày mai từ những người có triển vọng tài năng của ngày hôm nay” và “Năm tốt” là Đánh giá tốt - Đãi ngộ tốt - Cơ hội thăng tiến tốt - Môi trường làm việc tốt - Để sáng tạo tốt. Thu hút, trọng dụng nhân tài vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là nhiệm vụ lâu dài. Vì vậy, cần thống nhất nhận thức, chủ trương và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng đối với nhân tài nhưng có trọng tâm, trọng điểm để đạt được mục tiêu, hiệu quả, bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hoàng Văn Cường, Lê Thị Thúy Nga và các cộng sự (2021). *Kinh tế sáng tạo ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển (sách chuyên khảo)*. Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
2. Hoàng Văn Cường, Đinh Hải Hà, Nguyễn Xuân Toàn (2021). Hoàn thiện thể chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 6 năm 2021 (747), 14-16, ISSN 1859-4794.
3. Hoàng Văn Cường, Đinh Hải Hà, Nguyễn Xuân Toàn (2021). Hoàn thiện thể chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, <<https://vjst.vn/vn/tin-tuc/4415/hoan-thien-the-che-cho-hoat-dong-doi-moi-sang-tao-cua-doanh-nghiep.aspx>>.
4. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2022). *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Hà Nội.

Ngày nhận bài: 3/8/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 13/8/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 23/8/2022

Thông tin tác giả:

1. HOÀNG VĂN CƯỜNG¹

2. HOÀNG NAM ANH²

3. NGUYỄN XUÂN TOÀN²

4. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG²

5. NGUYỄN CÔNG TÂM²

¹Ban nghiên cứu các vấn đề xã hội, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

²Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

**SOLUTIONS FOR IMPLEMENTING
THE INTELLECTUAL STRATEGY IN THE NEXT YEARS:
ANALYSIS FROM THE SUMMARY OF 15 YEARS
OF IMPLEMENTATION OF RESOLVED NO. 27-NQ/TW**

● **HOANG VAN CUONG¹**

● **HOANG NAM ANH²**

● **NGUYEN XUAN TOAN²**

● **NGUYEN THI PHUONG²**

● **NGUYEN CONG TAM²**

¹Research Department for Social Issues,
Central Institute for Economic Management (CIEM),
Ministry of Planning and Investment (MPI)

²University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

Resolution No. 27-NQ/TW dated August 6, 2008 of the Central Committee, (term X), on building a team of intellectuals in the period of accelerating national industrialization and modernization sets the goal of building a strong and high-quality team of intellectuals with reasonable quantity and structure by 2020 to meet the country's development requirements, and step-by-step progressing to the level of intellectuals of advanced countries. However, after 15 years of implementation, it has experienced gaps in terms of policy and practice. These gaps have hindered the use of intellectuals. This paper is to propose some recommendations and solutions to build a team of intellectuals in the coming time.

Keywords: intellectuals, industrialization, modernization, policy.